

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/DS-ST

Ngày: 10-9-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

2. Ông Nguyễn Như Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10-9-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-DS ngày 14-7-2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K; địa chỉ: 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền số 931-03/2020/GUQMT-TCB ngày 12-9-2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần K):

1. Ông Nguyễn Tiên Hải; địa chỉ: Số H, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông Lê Tuấn Hải Anh; địa chỉ: Số H, thành phố p, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Trần Đình H; địa chỉ: Làng M, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh Pleiku có cho ông Trần Đình H vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số PLU20170593/HĐTD ngày 21-8-2017 và Khế ước nhận nợ ngày 25-8-2017 như sau: Số tiền vay là 524.000.000 đồng; mục đích vay là bổ sung vốn trồng và chăm sóc cây Cà phê, Ca cao; thời hạn vay là 59 tháng kể từ ngày 25-8-2017 đến ngày 25-7-2022; lãi suất trong hạn tại thời điểm cho vay là 11,79%/năm và có điều chỉnh, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ lãi là trước 06 tháng, kỳ lãi tiếp theo thu sau 12 tháng tính từ ngày giải ngân, các tháng sau thu theo mỗi lần thu gốc 01 năm/lần; nợ gốc trả thành 04 kỳ, mỗi kỳ trả nợ gốc với số tiền là

106.250.000 đồng vào ngày 25-7 hàng năm, bắt đầu trả từ năm 2019 đến năm 2022.

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng với ông Trần Đình H có giao kết Hợp đồng thế chấp số PLU20150371/HĐTC ngày 16-3-2015, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 10a, tờ bản đồ số 50 tại xã Ia R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 602420 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 12-9-2014 cho ông Trần Đình H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 28-10-2019 ông Trần Đình H mới chỉ trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 36.528.076 đồng và tiền lãi là 33.766.373 đồng, sau đó không trả thực hiện việc trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận nên đến ngày 04-12-2019 Ngân hàng đã thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn. Do ông Trần Đình H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Đình H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến hết ngày 10-9-2021 là 566.846.124 đồng, trong đó nợ gốc là 388.471.924 đồng, nợ lãi trong hạn là 110.726.791 đồng, nợ lãi quá hạn là 67.647.409 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Trường hợp ông Trần Đình H không trả hết số tiền còn nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Trần Đình H đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Trần Đình H cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Trần Đình H.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Hợp đồng tín dụng số PLU20170593/HĐTD ngày 21-8-2017 và Khế ước nhận nợ ngày 25-8-2017; Hợp đồng thế chấp số PLU20150371/HĐTC ngày 16-3-2015; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 16-3-2015; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 602420 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 12-9-2014; Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú Trần Đình H; Giấy ủy quyền số 931-03/2020/GUQMT-TCB ngày 12-9-2020; Chứng minh nhân dân Nguyễn Tiến Hải; Quyết định về việc ủy quyền ngày 27-9-2017; Giấy phép thành lập và hoạt động ngày 06-3-2018; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 51, ngày 12-11-2019; Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K; Bản tự khai ngày 20-4-2021 của ông Lê Tuấn Hải Anh; Thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn ngày 04-12-2019; 03 bảng tính lãi 10-9-2021 Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14-4-2021.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải

quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số PLU20170593/HĐTD ngày 21-8-2017 và Khế ước nhận nợ ngày 25-8-2017 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K, buộc ông Trần Đình H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến hết ngày 10-9-2021 là 566.846.124 đồng, trong đó nợ gốc là 388.471.924 đồng, nợ lãi trong hạn là 110.726.791 đồng, nợ lãi quá hạn là 67.647.409 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Trần Đình H có giao kết Hợp đồng thế chấp số PLU20150371/HĐTC ngày 16-3-2015, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 10a, tờ bản đồ số 50 tại xã Ia R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 602420 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 12-9-2014 cho ông Trần Đình H. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 14-4-2021 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

buộc ông Trần Đình H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

2. Buộc ông Trần Đình H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số PLU20170593/HĐTD ngày 21-8-2017 và Khế ước nhận nợ ngày 25-8-2017 tính đến ngày 10-9-2021 là 566.846.124 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm hai mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 388.471.924 đồng (ba trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng), nợ lãi trong hạn là 110.726.791 đồng (một trăm mười triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi một đồng), nợ lãi quá hạn là 67.647.409 đồng (sáu mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm không chín đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Trong trường hợp ông Trần Đình H không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số PLU20150371/HĐTC ngày 16-3-2015 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 10a, tờ bản đồ số 50 tại xã Ia R, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 602420 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 12-9-2014 cho ông Trần Đình H.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Đình H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

6. Về án phí: Buộc ông Trần Đình H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 26.673.845 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.977.857 đồng (mười một triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0011797 ngày 23-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính